

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2026

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 –PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phương và ông Nguyễn Ngọc Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 –
Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Ngọc Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 2 - Phú Thọ, xét xử công
khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm
2025 về “tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
21/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số
20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1997.

ĐKHKTT tại: Thôn M, xã C, tỉnh Hưng Yên

Nơi cư trú hiện nay: Phòng 2012, tòa nhà C, khu đô thị K, phường Đ, thành phố
Hà Nội (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Trung H1, sinh năm 1997.

ĐKHKTT tại: Số nhà A, tổ A, khu dân cư S, phường P, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú
hiện nay: Phòng 2012, tòa nhà C, khu đô thị K, phường Đ, thành phố Hà Nội (vắng
mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ
Thị H trình bày:*

Chị H và anh Đỗ Trung H1 đăng ký kết hôn ngày 22/12/2021 tại UBND phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn, hai bên tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống thuê nhà ở tại Phòng 2012, tòa nhà C, khu đô thị K, phường Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do vấn đề kinh tế, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thỉnh thoảng có xô xát, ném đồ đạc. Từ khi lấy nhau do con nhỏ và mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên ngủ riêng. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị Đỗ Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là: Đỗ Tùng A, sinh ngày 01/6/2022 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 14/12/2024. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T và không đề nghị anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp chung: Chị Đỗ Thị H xác định vợ chồng không có, nếu ly hôn, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Trung H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, thời gian chung sống như chị H trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống, cuộc sống bình thường, chỉ đôi khi có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau và có lần ném đồ đạc trong nhà. Tuy nhiên theo anh H1 mâu thuẫn chưa đủ lớn để vợ chồng phải ly hôn nên anh không nhất trí ly hôn với chị H. Do hai con còn nhỏ nên vợ chồng ngủ riêng. Anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng thời gian 02 tuần để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn. Nếu sau đó, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tuy nhiên quan điểm của anh H1 vẫn mong vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi con.

Về con chung: anh Đỗ Trung H1 xác định vợ chồng có 02 con chung là: Đỗ Tùng A, sinh ngày 01/6/2022 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 14/12/2024. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu Tùng A và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh Đỗ Trung H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp chung: Anh Đỗ Trung H1 xác định vợ chồng không có, nếu ly hôn, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

* Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực

hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

* Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H. Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Đỗ Trung H1.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 01/6/2022 và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 14/12/2024. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc chị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Đỗ Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Trung H1 là tranh chấp hôn nhân gia đình. Bị đơn (anh H1) có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); anh H1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; HĐXX căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh H1 là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Trung H1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2021 tại UBND phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh H1 đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có lúc cãi nhau, xô xát, ném đồ đạc. Tại buổi hòa giải ngày 28/11/2025, anh H1 đề nghị Tòa án cho vợ chồng thời gian 02 tuần để hòa giải mâu thuẫn nhưng sau đó anh

H1 không đến Tòa án để tham gia hòa giải, anh cũng có quan điểm nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được cung cấp: Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của anh chị như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ, có nắm được thông tin việc chị xin ly hôn anh H1 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em chưa thành niên.

Theo lời trình bày của bố mẹ anh H1 là ông Đỗ Xuân T1 và bà Đỗ Thị Hằng N thì trong cuộc sống hàng ngày anh chị có mâu thuẫn về lời ăn tiếng nói, ý ăn ý ở, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Tại phiên tòa mặc dù chị H vắng mặt nhưng đã có quan điểm là xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa, trước đó anh H1 có quan điểm xin được đoàn tụ nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cần xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Chị H và anh H1 đều xác nhận là vợ chồng có 02 con chung là: cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 01/6/2022 và cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 14/12/2024. Nếu ly hôn, chị H xin được nuôi cháu T, anh H1 xin nuôi cháu Tùng A. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của hai bên đều chính đáng và phù hợp với quy định pháp luật. Cháu T còn nhỏ đang dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 01/6/2022 và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 14/12/2024 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án hai bên đều không đề nghị cấp dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Quá trình giải quyết chị H và anh H1 đều có quan điểm nếu ly hôn không đề nghị giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung và công sức*: Quá trình giải quyết chị H và anh H1 đều xác nhận vợ chồng không có nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1, 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

Về hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với đối với anh Đỗ Trung H1

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 14/12/2024; Giao cho anh Đỗ Trung H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 01/6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005203 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Trung H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc kiểm tra, thanh tra và THA);
- VKSND khu vực 2 -Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Phòng THADS khu vực 2- Phú Thọ)
- UBND P.Phú Thọ;
- ĐKKH ngày 22/12/2021 tại UBND phường Hùng Vương cũ)
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thanh Loan